

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày 20-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giàng A Tăng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai (theo thủ tục rút gọn) vụ án hình sự thụ lý số: 42/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T**, tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 02/02/1984, tại huyện TG, tỉnh DB.

Nơi cư trú: Bản TC, xã CS, huyện TG, tỉnh DB; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn H (đã chết) và con bà Lò Thị D (đã chết). Bị cáo có vợ là chị Bạc Thị H, sinh năm 1985; bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị Tòa án xét xử; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/3/2022 đến ngày 22/3/2022, tạm giam từ ngày 22/3/2022 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Sáu – trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

* **Bị hại:** - Anh Lò Văn T, sinh năm 1978, vắng mặt.

- Chị Bạc Thị S, sinh năm 1982, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bản TC, xã CS, huyện TG, tỉnh DB.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Bạc Cầm T, sinh năm 1978, vắng mặt.

Địa chỉ: Bản TC, xã CS, huyện TG, tỉnh DB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 17 tháng 3 năm 2022 bị cáo đến nhà Bạc Cầm T chơi, T nói với bị cáo ở đâu có trâu thì bắt trộm để bán lấy tiền, bị cáo đồng ý. Đến khoảng 10 giờ ngày 19/3/2022 bị cáo một mình đi bộ từ nhà ở bản Ta Con, xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo lên đồi “Co Lú” thuộc bản Ta Con, xã Chiềng Sinh để bẫy chuột, khi đến nơi bị cáo nhìn thấy một đàn trâu khoảng 07 con, bị cáo nảy sinh ý định trộm trâu mang đi bán; bị cáo dùng dây phanh xe đạp mang theo buộc vào dây thừng dắt mũi một con trâu cái màu đen khoảng 10 tuổi, sừng dài 60cm của gia đình anh Lò Văn T trị giá 20.400.000đ (hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) bị cáo dắt con trâu xuống đồi khoảng 01 km thì buộc con trâu vào một gốc cây trong rừng sau đó bị cáo gọi điện thoại cho Bạc Cầm T và nói “anh bắt được trâu rồi có lấy không”, T nói “buộc để đây đợi trời tối hãy mang xuống khu vực đường đi nhà máy thủy điện Ta Con để đi tiêu thụ”. Đến 19 giờ 00 phút ngày 19/3/2022 bị cáo đang trên đường dắt trâu xuống địa điểm hẹn thì bị tổ công tác Công an xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo và bị hại phát hiện bắt quả tang.

Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận:

- 01 (một) con trâu cái 10 tuổi, sừng dài 60cm, lông màu đen, trọng lượng 170kg tại thời điểm tháng 3 năm 2022 có giá trị 20.400.000đ (hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 01/QĐ-VKSTG ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố bị cáo Lò Văn T về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo.

Bị hại anh Lò Văn T, chị Bạc Thị S vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt:

- Về tài sản đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.
- Về hình phạt đối với bị cáo, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo giữ nguyên nội dung Quyết định đã truy tố đối với bị cáo Lò Văn T và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị xem xét do bị hại không yêu cầu.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sợi dây phanh xe đạp dài 3,8m.

- Trả lại cho bị cáo Lò Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen số IMEI1: 355004/08/483099/7; IMEI2: 355004/08/483101/5 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Bạc Cầm T 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL màu đen, số IMEI 3535111100484145 đã qua sử dụng.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với Quyết định truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là đúng người, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị xem xét quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự; tài sản được phát hiện kịp thời thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, chưa gây thiệt hại cho bị hại. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s, h khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50 của Bộ luật Hình sự và cân nhắc về nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt; không phạt bổ sung bằng tiền, miễn án phí hình sự và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với quyết định truy tố, không bổ sung vào lời bào chữa, không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại anh Lò Văn T, chị Bạc Thị S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bạc Cầm T. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị S, anh T.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa. Đủ căn cứ xác định hồi 19 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 3 năm 2022 tại khu vực đồi Ta Con thuộc bản Ta Con, xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Lợi dụng thời gian trâu đang thả trên đồi không có người trông coi, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 con trâu cái lông màu đen 10 tuổi, sừng dài 60cm, trị giá 20.400.000đ (hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) của anh Lò Văn T, chị Bạc Thị S nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Lò Văn T đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Song xét thấy bị cáo làm nông nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo gây mất an ninh trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên được bố mẹ nuôi dưỡng cho đi học hết lớp 5 thì nghỉ học ở nhà lao động sản xuất. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị Tòa án xét xử, chưa bị xử phạt hành chính. Tuy nhiên bị cáo là người nghiện ma túy để giúp bị cáo cai nghiện, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, răn đe phòng ngừa tội phạm. Cần căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân để có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa tại phiên tòa: Kiểm sát viên và người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Không phạt bổ sung, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[7.1] Về hình phạt theo đề nghị của Kiểm sát viên: Là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đúng với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7.2] Về đề nghị của người bào chữa: Xét thấy khi lấy được tài sản bị cáo đã chuyển dịch tài sản ra khỏi nơi quản lý của chủ sở hữu và đang trong quá trình đưa

đi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt quả tang, thiệt hại ở đây đã xảy ra nhưng được ngăn chặn kịp thời, vì vậy hành vi của bị cáo không thuộc trường hợp “chưa gây thiệt hại”. Trong vụ án này bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp một con trâu cái lông màu đen 10 tuổi, trị giá 20.400.000đ và ý thức chủ quan mong muốn của bị cáo là chiếm đoạt toàn bộ giá trị con trâu của bị hại, do đó cũng không thuộc trường hợp “gây thiệt hại không lớn”; từ những phân tích trên về đề nghị của người bào chữa là chưa phù hợp không chấp nhận. Về hình phạt, bị cáo là người nghiện ma túy để giúp bị cáo cai nghiện, hơn nữa hiện nay trên địa bàn huyện Tuần Giáo tình hình các tội phạm xâm phạm về quyền sở hữu đang diễn ra ngày càng phức tạp, khó lường, đề răn đe phòng ngừa tội phạm, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Do vậy đề nghị của người bào chữa là chưa phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, không chấp nhận.

[8] Các vấn đề khác:

- 01 con trâu cái lông màu đen 10 tuổi, sừng dài 60cm đã làm rõ là tài sản hợp pháp của anh Lò Văn T, chị Bạc Thị S. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần Giáo đã quyết định trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh T, chị S là phù hợp.

- Đối với anh Bạc Cẩm T là người bị cáo khai đã bàn bạc, trao đổi với bị cáo về việc đi trộm trâu; Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành lấy lời khai, đối chất giữa T và bị cáo nhưng T không thừa nhận việc trao đổi, bàn bạc với bị cáo đi trộm trâu, ngoài lời khai của bị cáo, không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh nên cơ quan cảnh sát điều tra không đủ cơ sở kết luận Bạc Cẩm T đồng phạm với bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo không truy tố nên không xem xét.

[9] Về vật chứng vụ án:

Một sợi dây phanh xe đạp dài 3,8m là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen số IMEI1: 355004/08/483099/7; IMEI2: 355004/08/483101/5 đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL màu đen, số IMEI 3535111100484145 đã qua sử dụng. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo và anh Bạc Cẩm T.

[10] Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện, kinh tế đặc biệt khó khăn, là hộ nghèo nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần Giáo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- **Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

- **Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Không xem xét do bị hại không yêu cầu bị cáo Lò Văn T bồi thường.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sợi dây phanh xe đạp dài 3,8m.

- Trả lại cho bị cáo Lò Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen số IMEI1: 355004/08/483099/7; IMEI2: 355004/08/483101/5 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Bạc Cầm T 01 (một) điện thoại di động hiệu ITTEL màu đen, số IMEI 3535111100484145 đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/4/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Lò Văn T được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/4/2022). Bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi của mình. Thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Tuần Giáo;
- CQTHAHS – Công an tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Giàng A Tằng